

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

## PHÂN TÍCH ẨN DỤ TRONG DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ CỦA MỸ

ANALYSIS OF METAPHORS IN AMERICAN POLITICAL DISCOURSE

NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC

(ThS; ĐHKHXH &amp; NV, ĐHQG TP HCM)

**Abstract:** The paper explains the importance of metaphors in political discourse, then studies comparative methods constructing metaphors in English, i.e. absolute, simple, complex, compound, concrete and extended. Each of them has a distinct impact that helps to depict the characteristics of the American politicians' argumentation, i.e. directing listeners to some subject by telling stories using comparative images. For illustration of interpreting the meaning of metaphors, the paper unpacks some data collected from popular American political speeches, aiming at providing English majors with a theoretical base to understand and analyze metaphorical expressions fully and accurately.

**Key words:** Analyze, metaphor, political speech, comparative method.

### 1. Đặt vấn đề

Trong các tư liệu giảng dạy chuyên ngành tiếng Anh bậc đại học tại Việt Nam, nhất là các giáo trình Dịch thuật, Ngữ nghĩa học tiếng Anh, Văn chương Anh – Mỹ, các câu có sử dụng ẩn dụ chiếm tỉ lệ đáng kể. Tuy nhiên, việc phân tích ẩn dụ vẫn chưa được giảng dạy một cách hệ thống và đầy đủ. Nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc xác định các phương thức so sánh (PTSS) trong ẩn dụ và vì thế chưa diễn giải đúng ý nghĩa ẩn dụ trong ngữ cảnh hay chưa đạt đến mức độ uyển chuyển, tự nhiên trong chuyển dịch ẩn dụ từ Anh sang Việt, cũng như chưa mạnh dạn tạo ra các câu có sử dụng ẩn dụ trong giao tiếp tiếng Anh.

Bài viết phân tích ẩn dụ tiếng Anh dựa vào việc xác định PTSS từ ngữ liệu ẩn dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị của Mỹ, một thể loại văn bản chính luận có tần suất sử dụng ẩn dụ rất cao.

### 2. Ẩn dụ trong văn bản diễn thuyết chính trị

Chất lọc từ ngữ là một trong những nguyên lí tạo nên thành công trong nghệ thuật diễn thuyết. Nhờ khéo léo khai thác sức mạnh của ngôn ngữ trong diễn thuyết mà rất nhiều chính trị gia Mỹ, như Martin Luther King, John F. Kennedy, Bill Clinton và gần đây nhất là Barack Obama, Tổng thống thứ 44 đương nhiệm của Mỹ, đã thu phục được đông đảo người nghe. Theo Beard (2000: 18), tính hiệu quả của một bài diễn văn chính trị phụ thuộc rất nhiều vào khả năng lập luận của diễn giả.

Charteis-Black (2005:17) nhận định, trong các hệ thống chính trị từ chuyên quyền đến dân chủ, các nhà lãnh đạo luôn phải dựa vào lời nói để thuyết phục người dân về chính sách, quyền lợi... Họ có nhiều cách lựa chọn linh động về từ ngữ, đặc biệt là dùng ẩn dụ để làm cho quan điểm trình bày sinh động và thuyết phục hơn. Nhiều tác giả có quan điểm tương tự: Ẩn dụ có thể dùng trong các tình huống có nguy cơ đe dọa thể diện và khi ấy lời nói gián tiếp sẽ phù hợp hơn (Chilton 1996); ẩn dụ giúp cấu trúc lập

luyện chặt chẽ hơn (Goatly 1997); ẩn dụ có thể truyền đạt điều khó diễn đạt bằng những từ ngữ mang nghĩa đen và tăng thêm tính sinh động cho lời nói (Gibbs 1994); ẩn dụ sáng tạo có thể đưa ra những góc nhìn mới về sự vật hiện tượng (Carter 2004).

Ẩn dụ, phép so sánh gián tiếp giàu tính tương phản và liên tưởng, là một công cụ hữu hiệu trong tay các chính trị gia. Geary (2011: 5 - 7) khẳng định ẩn dụ sống một đời sống bí ẩn quanh chúng ta. Cứ một lần phát ngôn khoảng 10 đến 20 từ thì chúng ta có thể dùng một ẩn dụ, hay khoảng sáu ẩn dụ trong vòng một phút. Ông đã minh họa bằng một đoạn trích trong diễn văn nhậm chức của Barack Obama:

Vd. 1: *The words have been spoken during rising tides of prosperity and the still waters of peace. Yet, every so often the Oath is taken amidst gathering clouds and raging storms. At these moments, America has carried on not simply because of the skill or vision of those in high office, but because We the People have remained faithful to the ideals of our forebearers, and true to our founding documents.*

(Những lời tuyên thệ đã được thốt ra trong **những cơn hải triều phồn thịnh đang lên** và **mặt nước hòa bình tĩnh lặng**. Nhưng đôi khi, lời thề được thốt lên giữa **những đám mây kéo đến** và **những cơn bão dữ dội**. Ngay những giờ phút này đây, nước Mỹ đang cuồng nhiệt không chỉ đơn giản là vì sự khéo léo và nhạy bén của nhà cầm quyền mà còn vì chúng ta, nhân dân ta đã luôn trung thành với những lí tưởng của cha ông và chân thực với những văn kiện thời lập quốc).

Không khó để nhận ra có bốn ẩn dụ trong đoạn phát ngôn dài 74 từ bên trên: (1) *sự phồn vinh* của nước Mỹ được mô tả như là *nước thủy triều lên*; (2) *sự bình yên* của nước Mỹ được khắc họa như *mặt nước phẳng lặng*; (3) & (4) những lúc rắc rối của nền chính trị Mỹ được ví von như những hiện tượng khí

tượng bất lợi *những đám mây kéo đến, những cơn bão dữ dội*.

Có thể nói, diễn ngôn chính trị là nguồn ngữ liệu dồi dào cho các nghiên cứu sâu về ẩn dụ. Bài viết này khảo sát một số ẩn dụ trong các bài diễn thuyết trong cuốn *Words of a Century: The Top 100 American Speeches, 1900 - 1999* và các bài diễn văn quan trọng gần đây của Mỹ vào đầu thế kỉ 21, thể hiện tính thời sự của thời đại và được đánh giá cao về mặt sử dụng ngôn ngữ<sup>6</sup>.

### 3. Phân tích ý nghĩa của biểu thức ẩn dụ dựa vào cách xác định phương thức so sánh

Chúng ta có thể hiểu và phân tích đúng ý nghĩa ẩn dụ trong tiếng Anh khi xác định rõ phương thức so sánh (PTSS), nghĩa là xác định đúng bản chất cấu thành của ẩn dụ.

Các nhà Việt ngữ học có nhiều quan điểm khác nhau về PTSS của ẩn dụ. Đỗ Hữu Châu (1996) và Mai Ngọc Chừ (chủ biên) (2007) dựa vào: (i) tính cụ thể/ trừu tượng của hai sự vật để chia ẩn dụ thành ẩn dụ cụ thể - cụ thể (*chân núi, miệng giếng*), và ẩn dụ cụ thể - trừu tượng (*cán bộ nguồn, sục sôi căm thù*); (ii) các nét nghĩa phạm trù để nhận diện ẩn dụ hình thức (*mũi thuyền, mũi đất*), ẩn dụ vị trí, ẩn dụ cách thức (*nắm tư tưởng, cắt hộ khẩu*), ẩn dụ chức năng (*giữ chốt, cửa rừng*), ẩn dụ kết quả (*ấn tượng nặng nề, nói cay quá*). Nguyễn Thiện Giáp (1999), căn cứ vào tính chất của sự tương đồng, phân chia ẩn dụ thành các kiểu giống nhau về hình thức (*bướm cài áo*), màu sắc (*màu da trời, màu cánh sen*), chức năng (*bến tàu điện*), thuộc tính/ tính chất/ đặc điểm ( *tình cảm khô khan*), định danh hay định tính (*cún con của mẹ*)...

Trong ngôn ngữ học đại cương, các phương thức ẩn dụ phổ biến được phân biệt dựa vào mối liên hệ khái niệm nguồn và gốc, chẳng hạn ẩn dụ đồng đại, ẩn dụ lịch đại, ẩn dụ ngôn ngữ, ẩn dụ lời nói... (Hoàng Dũng - Bùi Mạnh Hùng 2007). Chúng tôi nhận thấy

<sup>6</sup> Được đăng tải trên <http://www.americanrhetoric.com>

cách tìm hiểu ý nghĩa ẩn dụ dựa vào sự liên hệ khái niệm “nguồn” và “gốc”, trong đó nguồn chính là chủ thể so sánh (topic) và gốc là phương tiện biểu đạt (vehicle), mang tính rất bao quát, giúp người học có thể lí giải tường tận ý nghĩa của ẩn dụ.

Dựa vào các loại ẩn dụ theo mô tả của Steen (1999: 81 - 104) cũng như các thông tin trên các trang web ngôn ngữ Anh<sup>7</sup>, chúng tôi thấy các PTSS cấu thành nên ẩn dụ được sử dụng phổ biến trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh gồm có: tuyệt đối, đơn, phức, kép, cụ thể và mở rộng. Dưới đây bài viết phân tích các PTSS này qua những ngữ liệu cụ thể.

(1) **Ẩn dụ tuyệt đối** (absolute metaphor)

Đây là PTSS hoàn toàn không có mối liên hệ giữa chủ thể và hình ảnh so sánh. Chẳng hạn, trong câu *I am the dog end of every day* (Cứ đến cuối ngày tôi lại là con chó), danh ngữ *the dog* chịu tác động của trạng ngữ chỉ thời gian *end of every day*, nên người đọc hoặc người nghe có thể hiểu sự ví von này theo nhiều cách: “I am very tired end of every day” (Cứ đến cuối ngày là tôi mệt lử), “I am very hungry end of every day” (Cứ đến cuối ngày là tôi đói vô cùng), hay “I am able to eat everything left end of every day” (Cứ đến cuối ngày là tôi có thể ngốn hết những gì còn lại).

Cái hay của ẩn dụ tuyệt đối là ở chỗ nó khơi gợi nên sự tìm tòi: chủ thể tiếp nhận phải tìm cách để hiểu được ý nghĩa của ẩn dụ và có thể diễn giải theo cách riêng của mình. Phương thức này rất hữu ích khi người viết hoặc người nói cảm thấy cần phải tìm những từ ngữ ẩn dụ để truyền đạt được những cái lắt léo vốn khó có thể diễn đạt một cách cụ thể. Không dễ dàng để hiểu đúng ý nghĩa ẩn dụ tuyệt đối vì sức hấp dẫn của ẩn dụ trong các ngôn ngữ có thể hoàn toàn khác nhau, đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức về ngữ

ngữ, văn hóa cũng như kinh nghiệm tiếp xúc với những cách dùng như thế.

Vd.2: *We sit here together, a rainbow, a coalition the sons and daughters of slavemasters and the sons and daughters of slaves, sitting together around a common table, to decide the direction of our party and our country.* (Jesse Jackson<sup>8</sup> 1984)

(Chúng ta cùng nhau ngồi đây, **một cầu vồng**, một liên minh, những đứa con trai và con gái của chủ nô và những đứa con trai và con gái của nô lệ cùng nhau ngồi quanh một chiếc bàn chung, để quyết định phương hướng của đảng ta và đất nước ta.)

Ẩn dụ tuyệt đối *cầu vồng* trong bài diễn văn kêu gọi sự ủng hộ cho cuộc tranh cử tổng thống của Jesse Jackson có thể được diễn giải theo nhiều cách, chẳng hạn: (i) cầu vồng với bảy sắc màu khác nhau chính là sức mạnh của sự đoàn kết những người da đen đang sinh sống khắp nơi trên nước Mỹ, thuộc tầng lớp khác nhau và làm những ngành nghề khác nhau; (ii) sau cơn mưa trời lại sáng, cầu vồng sẽ xuất hiện báo hiệu điều tốt đẹp sẽ đến và tương lai của nước Mỹ là một bức tranh tươi sáng.

(2) **Ẩn dụ đơn** (simple metaphor)

Đây là PTSS dựa vào mối liên kết đơn giữa chủ thể và phương tiện biểu đạt. Phương tiện biểu đạt chỉ có một ý nghĩa đơn được chuyển tải trực tiếp đến chủ thể, chẳng hạn: *Cool down!* (Nguội xuống đi! → Bình tĩnh nào), trong đó *cool* (nguội) = temperature (nhiệt độ); *I'll chew on it* (Tôi nhai ngấu nghiến chuyện đó → Tôi nghiền ngẫm vấn đề đó), trong đó *chew* (nhai) = think (suy nghĩ). Phương thức đơn này không phức tạp và không đòi hỏi nhiều nỗ lực mới hiểu được ý của tác giả, vì vậy có thể dễ dàng sử dụng cho nhiều đối tượng tiếp nhận.

<sup>7</sup> <http://changingminds.org>, <http://grammar.about.com>, <http://en.wikipedia.org>

<sup>8</sup> Một trong những nhà lãnh đạo da đen nổi tiếng nhất của Mỹ về đấu tranh dân quyền.

Vd.3: *In little more than two decades we've gone from a position of energy independence to one in which almost half the oil we use comes from foreign countries, at prices that are going through the roof.* (Jimmy Carter<sup>9</sup> 1979).

(Trong gần hai thế kỉ mà chúng ta đã đi từ một vị thế độc lập về năng lượng đến một vị thế mà ở đó gần nửa số xăng dầu chúng ta sử dụng có nguồn gốc từ nước ngoài, với **giá cả đang leo xuyên qua mái nhà**).

Sự đột biến về giá cả được ví như hành động leo xuyên qua mái nhà (giá cả đang leo thang), trong đó: *roof* (mái nhà) = height (độ cao) → giá cả đã tăng cao, vượt khỏi tầm kiểm soát.

(3) **Ẩn dụ phức** (complex metaphor)

Đây là PTSS hình thành một ẩn dụ đơn trên cơ sở một yếu tố ẩn dụ phụ, chẳng hạn: ẩn dụ *light* (ánh sáng) chỉ *understanding* (sự hiểu biết) được phức tạp hóa bằng cách nói *throwing light* (phóng ánh sáng) thay vì *shining light* (chiếu sáng); như vậy, *throwing* là một ẩn dụ được thêm vào để mô tả cách thức mà ánh sáng truyền đi. Sự phức tạp hóa với những tầng nghĩa phụ trợ làm cho đối tượng tiếp nhận phải suy nghĩ rộng hơn và có ấn tượng mạnh hơn về khả năng ngôn ngữ của tác giả.

Vd.4: *Expand the civil-rights struggle to the level of human rights. Take it into the United Nations, where **our African brothers can throw their weight on our side, where our Asian brothers can throw their weight on our side, where our Latin-American brothers can throw their weight on our side, and where 800 million Chinamen are sitting there waiting to throw their weight on our side.*** (Malcolm X<sup>10</sup> 1963)

<sup>9</sup> Tổng thống thứ 39 của nước Mĩ (1977 – 1981), đoạt giải Nobel Hòa bình năm 2002.

<sup>10</sup> Tu sĩ Hồi giáo, luôn ủng hộ và đấu tranh cho quyền lợi của người da đen, được coi là một trong những người Mĩ gốc Phi có ảnh hưởng nhất trong lịch sử đấu tranh chủng tộc.

(Hãy mở rộng cuộc đấu tranh về quyền công dân đến cấp độ nhân quyền. Hãy đưa cuộc đấu tranh này vào Hoa Kỳ, nơi mà những anh em châu Phi có thể **quẳng gánh nặng về phía chúng ta**, nơi mà các anh em châu Mĩ - Latin có thể **quẳng gánh nặng về phía chúng ta**, và nơi mà tám trăm triệu người Trung Hoa đang ngồi đấy trông đợi **quẳng gánh nặng về phía chúng ta**).

Ẩn dụ phức *quẳng gánh nặng về phía chúng ta* được hình thành trên cơ sở của ẩn dụ đơn *gánh nặng* - sự lo âu đang chất chồng trong lòng của những người tham gia cuộc đấu tranh vì quyền công dân trên thế giới, được kết hợp với ẩn dụ phụ là *quẳng* - cách trút bỏ mối lo âu. Malcolm X đã dùng ẩn dụ phức này như một lời kêu gọi người Mĩ da đen hãy sẵn sàng chia sẻ những gian khó đang ở phía trước trong cuộc đấu tranh của họ.

(4) **Ẩn dụ kép** (compound metaphor)

Đây là PPSS sử dụng nhiều yếu tố/ thành phần để “gây rối” đối tượng tiếp nhận. Những thành phần này có thể là từ làm tăng mức độ/ nhấn mạnh như trạng từ, tính từ... Mỗi thành phần trong ẩn dụ kép có thể biểu thị một nét nghĩa được thêm vào. Ví dụ: *The car screeched in hated anguish, its flesh laid bare in the raucous collision.* (Chiếc xe rít lên trong nỗi bức dọc căm hờn, thân thể nó nằm trơ trụi trong vụ va chạm âm ỉ này). Ẩn dụ kép giống như một “cú đấm đa lực” (a multiple punch) liên tiếp tác động vào người tiếp nhận bằng nhiều thành phần ẩn dụ của nó. Nếu như phương thức phức sử dụng các tầng nghĩa để nhấn mạnh ý nghĩa của ẩn dụ thì phương thức kép lại sử dụng hàng loạt từ ngữ.

Vd.5: *We can tackle race only as spectacle, as we did in **the O.J. trial; or in the wake of tragedy, as we did in the aftermath of Katrina; or as fodder for the***

*nightly news... We can do that. But if we do... (Barack Obama 2008)*

(Chúng ta có thể giải quyết vấn đề chủng tộc chỉ như **màn trình diễn**, như chúng ta đã làm trong **vụ án O.J.**; hay theo **gót chân của thảm kịch**, như chúng ta đã làm đối với **hậu quả gây ra của cơn bão Katrina**; hay như **cỏ khô dành cho bản tin mỗi tối**... Chúng ta có thể làm như thế. Nhưng nếu chúng ta làm vậy thì ...)

Cách giải quyết vấn đề chủng tộc trong ví dụ trên được so sánh như là:

(i) Màn trình diễn của vụ xử án O.J – Simpson, ngôi sao bóng bầu dục và diễn viên người da đen, bị cho là đã sát hại một phụ nữ da trắng nhưng sau đây được tuyên bố trắng án; vụ án này đã chia rẽ dư luận Mỹ: ¾ người Mỹ da trắng cho rằng pháp luật không nghiêm minh trong khi đa số người da đen cho rằng Simpson vô tội. Thành phần ẩn dụ này nói đến sự bất nhất trong cách giải quyết vấn đề chủng tộc.

(ii) Cách giải quyết hậu quả của cơn bão Katrina – cơn bão lớn đã tàn phá miền Đông Nam Hoa Kỳ và trở thành thiên tai kinh khủng và tốn kém nhất trong lịch sử Hoa Kỳ kể từ trận động đất tại San Francisco năm 1906 đến nay. Những mâu thuẫn dai dẳng tồn tại trên phương diện xã hội và nhân văn của nước Mỹ đã bộc lộ rõ qua cơn bão: không có sự công bằng và cơ hội bình đẳng đích thực cho mọi thành viên; do những khó khăn vật chất, người da đen là thành phần bị kẹt lại nhiều nhất ở New Orleans, không được sơ tán kịp thời, phải lang thang trên những khu phố đổ nát. Đây được coi là một thử thách chính trị lớn đối với nước Mỹ, một thảm kịch nhân đạo<sup>11</sup>. Thành phần ẩn dụ này nói đến bất công trong cách giải quyết vấn đề chủng tộc.

(iii) Cỏ khô dành cho bản tin mỗi tối – cỏ khô là thức ăn cho bò, ngựa, vốn là những động vật cần thiết trong cuộc sống du mục

truyền thống của nước Mỹ. Nghĩa ngữ cảnh của từ *fodder* (cỏ khô) là tin tức dồi dào dành cho các cuộc chuyện trò buổi tối. Thành phần ẩn dụ này đề cập cách giải quyết vấn đề chủng tộc giống như những cuộc nói chuyện phiếm hàng đêm, cứ dai dẳng và chưa được giải quyết triệt để.

Như vậy, Barack Obama đã phát huy “cú đấm đa lực” của ẩn dụ kép với ba thành phần ẩn dụ làm người nghe cảm nhận được vấn đề chủng tộc vẫn là một “bài toán khó” chưa có lời đáp, một “con đầu đầu” của nước Mỹ cần phải được “chữa trị”.

(5) **Ẩn dụ cụ thể** (concrete metaphor)

Đây là PPSS sử dụng một ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ một khái niệm, chẳng hạn: “*Với một cây bút chì, tôi có thể vẽ được một bức phác họa dễ thương, nhưng với cả một cái hộp bút chì này, tôi có thể vẽ được cả thế giới!*” giải thích ý tưởng về sự đa dạng bằng một cây bút chì và một hộp bút đựng đầy các loại bút khác nhau. Các đồ vật thường cụ thể hơn lời nói. Lỗi so sánh cụ thể làm tăng mức độ chú ý và làm lời giải thích dễ hiểu hơn.

Vd.6: *But whatever the original ships, we're in the same boat tonight. Our ships could pass in the night if we have a false sense of independence or they could collide and crash. We would lose our passengers. We can seek a high reality and a greater good. Apart, we can drift on the broken pieces of Reagonomics, satisfy our baser instincts, and exploit the fears of our people. At our highest, we can call upon noble instincts and navigate this vessel to safety. The greater good is the common good.* (Jesse Jackson 1988)

(Nhưng dù **những con tàu có xuất xứ là gì** thì đêm nay chúng ta đang **cùng hội cùng thuyền**. **Những con tàu của chúng ta có cơ may vượt qua đêm nay** hoặc có nguy cơ va chạm và tan tành nếu chúng ta có cảm giác sai lạc về sự độc lập. Chúng ta có thể sẽ **mất đi những hành khách của mình**. Chúng ta cũng có thể tìm kiếm một hiện thực cao cả và

<sup>11</sup> Theo nhận xét của nhà bình luận David Brooks trên tờ *New York Thời báo* số ra ngày 2/9/2005.

một lợi ích lớn lao hơn. Chia rẽ, chúng ta có thể **trôi dạt trên những mảnh vỡ của nền kinh tế dưới chính quyền Reagan**, thỏa mãn những bản năng yếu hèn hơn và khai thác những nỗi sợ hãi của người dân. Hãy cố hết sức, chúng ta có thể kêu gọi những bản năng cao quý và **lèo lái đoàn tàu này đến chỗ bình an**. Lợi ích lớn lao hơn chính là lợi ích chung.)

Jesse Jackson đã dùng hình ảnh đoàn thuyền ra khơi để kêu gọi sự đoàn kết của các thành phần thuộc đảng Dân chủ trong cuộc đấu tranh chống lại chính sách kinh tế của chính quyền Reagan<sup>12</sup>. Sự cần thiết phải đoàn kết lại vì lợi ích chung giống như đoàn tàu cần có sự kết hợp, hiểu ý nhau: các con tàu phải tránh khỏi va chạm để cùng nhau vượt qua đêm tối = Đảng Dân chủ phải đoàn kết đấu tranh chống lại những bất cập chính trị trong nước Mỹ; sự va chạm sẽ khiến các con tàu tan thành từng mảnh, mất đi những hành khách của mình = sự chia rẽ trong nội bộ sẽ hình thành những rạn nứt và mất đi quyền lợi kinh tế và chính trị; những con tàu được lèo lái đến chốn bình an = sự đoàn kết sẽ đưa đến thắng lợi.

(6) **Ẩn dụ mở rộng** (extended metaphor)

Đây là PTSS sử dụng một chủ thể đơn chính và các chủ thể bổ sung. Chủ thể chính hoạt động như là một chủ tố trung tâm. Ví dụ: *He is the pointing gun, we are the bullets of his desire* (Anh ta là khẩu súng đang lên nòng, chúng ta là những viên đạn của lòng thèm muốn của anh ta). Sức mạnh của ẩn dụ mở rộng nằm trong những “đòn giáng” mà nó sử dụng.

Vd.7: *Shall free speech and free assemblage, shall criticism and opinion - which even the espionage bill did not include - be destroyed? Shall it be a shadow of the*

*past, the great historic American past? Shall it be trampled underfoot by any detective, or policeman, anyone who decides upon it? Or shall free speech and free press and free assemblage continue to be the heritage of the American people?* (Emma Goldman<sup>13</sup> 1917)

(Có thể nào **quyền tự do ngôn luận và tự do hội họp**, có thể nào **quyền bình phẩm và có ý kiến**, mà ngay cả tờ báo cáo gián điệp cũng không nói đến, **sẽ bị phá bỏ hay không?** Có thể nào nó **chỉ còn là một hình bóng của quá khứ**, quá khứ lịch sử vĩ đại của nước Mỹ này hay không? Có thể nào nó **sẽ bị chà đạp dưới chân** bởi bất kì thám tử, hay cảnh sát, hay bất kì ai chọn lấy điều đó hay không? Liệu quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp có còn tiếp tục là **di sản của dân tộc Mỹ?**)

Trong bài diễn thuyết trước Bồi thẩm đoàn để tự biện hộ cho chính mình trong phiên xử ngày 9 tháng 7 năm 1917 tại New York, Emma Goldman đã so sánh quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp như là một tòa nhà được xây dựng từ xa xưa trong lịch sử nước Mỹ: *phá bỏ* - hủy hoại tòa nhà = không thừa nhận những quyền này; *hình bóng của quá khứ* - tòa nhà không còn hiện hữu = xóa bỏ sự tồn tại của những quyền này, biến chúng thành kí ức; *di sản của dân tộc Mỹ* - một tòa nhà có giá trị lịch sử = những quyền này được công nhận từ xa xưa đến nay. Với ba chủ thể bổ sung liên quan đến chủ thể trung tâm là “tòa nhà”, sức mạnh của ẩn dụ mở rộng này đã được phát huy tối đa để chứng minh quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do hội họp là một *di sản* của quyền công dân không thể chối bỏ.

Như vậy, ẩn dụ trong diễn ngôn chính trị Mỹ được hình thành trên cơ sở vận dụng nhiều phương thức so sánh khác nhau - *đơn*,

<sup>12</sup> Chính sách kinh tế này khác hẳn so chính sách của nhiều tổng thống tiền nhiệm, nhận được ủng hộ lẫn chỉ trích ở thời điểm mà nước Mỹ trải qua tình trạng lạm phát và đình đốn.

<sup>13</sup> (1869 – 1940), người theo chủ nghĩa vô chính phủ, nổi tiếng về hoạt động tuyên truyền, viết báo và diễn thuyết về chính trị.

*kép, phức, cụ thể và mở rộng*. Sức mạnh của các phương thức này được khai thác triệt để: ẩn dụ đơn chiếm đại đa số trong các ví dụ khảo sát vì phù hợp với đối tượng khán thính giả ngày càng đa dạng và phong phú quan tâm đến lĩnh vực chính trị; ẩn dụ kép có độ nhấn cao; ẩn dụ phức với những “cú đấm đa lực” và ẩn dụ mở rộng với những “đòn giáng” được phát huy tối đa tính liên tưởng; ẩn dụ cụ thể giúp cho những quan điểm chính trị khô khan, khó diễn tả trở nên rõ nét, giàu hình tượng giúp người tiếp nhận có được những cảm nhận sâu sắc. Điều này hoàn toàn hợp lí với phong cách ngôn ngữ của văn bản diễn thuyết: các chính trị gia của Mỹ thường dẫn dắt vấn đề theo lối kể chuyện với những hình ảnh minh họa so sánh dễ mừng tượng để từ đó nêu lên sự việc muốn đề cập đến.

#### 4. Kết luận

Ẩn dụ luôn đóng một vai trò quan trọng trong diễn ngôn chính trị. Việc hiểu đúng và diễn giải chính xác ý nghĩa của ẩn dụ trong ngữ cảnh đòi hỏi người tiếp nhận phải xác định được PTSS cấu thành nên ẩn dụ. Đó có thể là: tuyệt đối, đơn, kép, phức, cụ thể, mở rộng. Các phương thức này giúp truyền đạt thông điệp tới người đọc hoặc người nghe bằng những ngôn bản với những hình ảnh ẩn dụ sinh động, giàu tính liên tưởng và biểu cảm. Bài viết đã phân tích các PTSS dựa trên ngữ liệu trích dẫn từ các bài văn diễn thuyết chính trị nổi tiếng của Mỹ với hi vọng giúp người học có được cơ sở lí luận để xác định đúng phương thức so sánh, từ đó có thể phân tích ý nghĩa các biểu thức ẩn dụ chính xác và sâu sắc.

#### Tài liệu tham khảo

##### Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt*, Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Hoàng Dũng - Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, Hà Nội: Đại học Sư phạm.

3. Mai Ngọc Chừ - Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đỗ Việt Hùng - Bùi Minh Toán (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Hà Nội: Giáo dục.

4. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Từ vựng học tiếng Việt*, Hà Nội: Giáo dục.

##### Tiếng Anh

5. Beard, A.(2000), *The language of politics*, London: Routledge.

6. Carter, R.(2004), *Language and creativity – The art of common talk*, London: Routledge.

7. Charteris-Black, J.(2005), *Politicians and rhetoric: The persuasive power of metaphor*, Basingstoke & New York: Palgrave-MacMillan.

8. Chilton, P.(1996), *Security metaphors: cold war discourse from containment to common European home*, Frankfurt/Main: Peter Lang.

9. Geary J.(2011), *I is an other – The secret life of metaphor and how it shapes the way we see the world*, New York: HaperCollins Publisher.

10. Gibbs R.(1994), *The poetics of mind - figurative thought, language and understanding*, Cambridge: Cambridge University Press.

11. Goatly, A.(1997), *The language of metaphors*, London: Routledge.

12. Steen, G(1999)., *Metaphor and discourse: towards a linguistic checklist for metaphor analysis*, Cameron L., Low G (Eds), *Researching and Applying*, Cambridge: Cambridge University Press: 81 – 104.

13. Stephen E. L. & Martin J. M.(2008), *Words of a century: The top 100 American speeches, 1900-1999*, Oxford: Oxford University Press.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-10-2013)